

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

**Tầng 08, Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15,
Quận Tân Bình, TP.HCM.
Mã số thuế: 0302511219**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 04 NĂM 2024

(Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		616.367.753.830	469.423.645.135
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	223.779.134.813	151.227.589.907
1. Tiền	111		171.779.134.813	140.727.589.907
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.000.000.000	10.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		121.784.571.233	91.937.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	121.784.571.233	91.937.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.700.471.494	224.427.275.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	114.225.161.101	138.235.687.021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.373.516.739	11.919.190.527
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	103.439.039.552	77.948.003.001
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(4.337.245.898)	(3.675.605.089)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.428.897.157	-
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.428.897.157	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.674.679.133	1.831.779.768
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		448.515.445	576.726.364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.059.048.425	1.255.053.404
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.167.115.263	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		368.509.315.792	390.609.739.297
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.341.187.023	4.034.500.823
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.6b	4.341.187.023	4.034.500.823
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.828.051.985	6.440.479.523
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	5.544.151.985	6.110.279.523
- Nguyên giá	222		17.281.153.939	17.087.016.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.737.001.954)	(10.976.737.386)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	283.900.000	330.200.000
- Nguyên giá	228		2.850.272.679	2.808.872.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.566.372.679)	(2.478.672.679)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		354.919.978.912	379.456.082.634
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	338.862.078.585	364.915.647.307
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	14.057.900.327	11.540.435.327
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2c	2.000.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.420.097.872	678.676.317
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.420.097.872	678.676.317
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		984.877.069.622	860.033.384.432
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		362.084.255.439	281.284.392.558
I. Nợ ngắn hạn	310		357.445.454.905	275.992.589.194
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	95.360.255.305	108.728.298.857
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	3.654.935.675	4.809.058.091
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.12	30.053.189.978	10.763.569.852
4. Phải trả người lao động	314		4.222.369.046	4.134.707.774
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	8.304.545.596	7.032.242.268
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		14.830.167	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	159.228.064.265	93.623.499.333
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	47.824.921.508	35.743.055.184
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.16	8.782.343.365	11.158.157.835
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.638.800.534	5.291.803.364
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	4.638.800.534	5.291.803.364
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		622.792.814.183	578.748.991.874
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16a	622.792.814.183	578.748.991.874
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		317.158.800.000	317.158.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		317.158.800.000	317.158.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.146.050.000	30.146.050.000
3. Quyền chọn sửa đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(155.000.000)	(155.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.925.977.872	15.925.977.872
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		253.661.982.559	203.425.842.758
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		178.738.459.043	197.896.370.049
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		74.923.523.516	5.529.472.709
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.17	6.055.003.752	12.247.321.244
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		984.877.069.622	860.033.384.432

TP.HCM, Ngày 25 tháng 01 năm 2025.



Nguyễn Anh Minh
Tổng giám đốc



Đàm Thị Hoa
Người lập



Trần Sơn Thái
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

DVT: đồng

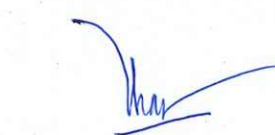
Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	QUÝ IV/2024	QUÝ IV/2023	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2024	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		492.074.828.180	410.483.907.504	1.796.092.003.630	1.136.358.537.141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.382.226.604	6.009.092.925	25.929.201.903	13.406.743.467
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	484.692.601.576	404.474.814.579	1.770.162.801.727	1.122.951.793.674
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	436.168.168.042	368.514.064.194	1.590.664.067.994	1.043.329.242.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		48.524.433.534	35.960.750.385	179.498.733.733	79.622.550.943
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.225.840.150	5.031.828.834	21.555.917.354	18.640.582.681
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.725.258.506	589.131.724	11.276.830.848	5.073.632.042
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		273.072.394	425.152.409	1.861.082.274	882.793.391
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		(8.247.999.151)	(7.590.243.499)	(24.550.383.922)	(26.848.273.361)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.476.044.412	12.921.383.113	40.814.835.153	26.157.828.850
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.363.390.830	4.589.130.109	21.869.308.781	21.886.078.950
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		21.937.580.785	15.302.690.774	102.543.292.383	18.297.320.421
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.290.948.190	2.723.425	1.536.070.226	81.626.076
13. Chi phí khác	32	VI.8	80.892.075	10.350.000	160.893.284	24.078.258
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.210.056.115	(7.626.575)	1.375.176.942	57.547.818
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.147.636.900	15.295.064.199	103.918.469.325	18.354.868.239
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.12	7.743.691.588	4.794.418.661	29.247.263.301	9.569.805.916
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15.403.945.312	10.500.645.538	74.671.206.024	8.785.062.323
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20.817.727.703	8.640.370.718	74.923.523.516	5.529.472.709
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.17	(5.413.782.391)	1.860.274.820	(252.317.492)	3.255.589.614
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V.16d	656	272	2363	174
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		656	272	2363	174

TP.HCM, Ngày 23 tháng 01 năm 2025





Đàm Thị Hoa
Người lập



Trần Sơn Thái
Kế toán trưởng


Tông giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	103.918.469.325	18.354.868.239
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	1.316.657.538	1.053.844.836
- Các khoản dự phòng	661.640.809	(935.009.646)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	948.745.835	(1.487.123.122)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	17.236.985.982	16.269.982.444
- Chi phí lãi vay	1.861.082.274	882.793.391
- Các khoản điều chỉnh khác		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	125.943.581.763	34.139.356.142
- Tăng, giảm các khoản phải thu	7.057.026.013	(50.092.050.127)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	(2.428.897.157)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	49.706.335.326	32.281.524.366
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(2.613.210.636)	77.554.872
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	(1.861.082.274)	(882.793.391)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.644.758.338)	(14.653.025.308)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.872.932.185)	(10.056.383.071)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	163.286.062.512	(9.185.816.517)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(704.230.000)	(1.647.140.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	54.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(165.847.571.233)	(60.655.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	87.000.000.000	65.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2.517.465.000)	(33.410.110.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.579.218.041	18.174.628.521
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(73.490.048.192)	(11.883.076.933)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền thu từ đi vay	341.036.614.926	132.712.294.537
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(328.954.748.602)	(101.597.047.727)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(28.130.266.000)	(25.360.266.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(16.048.399.676)	5.754.980.810
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	73.747.614.644	(15.313.912.640)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	151.227.589.907	167.363.201.484



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.196.069.738)	(821.698.937)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	223.779.134.813	151.227.589.907

TP.HCM, Ngày 23 tháng 01 năm 2025

Đàm Thị Hoa
Người lậpTrần Sơn Thái
Kế toán trưởngNguyễn Anh Minh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinafreight (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 1 năm 2002 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Lần điều chỉnh GCNĐKDN gần nhất là lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2024.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ logistics và vận tải hàng hóa.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

4. Cấu trúc Công ty:

Cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty bao gồm ba công ty con được thành lập và đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và năm công ty liên kết. Trong đó, chi tiết các công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế	Dịch vụ vận tải hàng hóa	90,00%	90,00%
(3) Công ty TNHH Logistics Xuê Hàng Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	51,00%	51,00%
(4) Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (*)	Dịch vụ vận tải hàng hóa; đại lý bán vé máy bay	45,90%	45,90%

(*)Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt là hơn 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn ⁽ⁱ⁾	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 - 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm giảm giá dịch vụ phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã cung cấp từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá dịch vụ thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá dịch vụ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá dịch vụ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.761.883.760	2.991.365.330
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	169.017.251.053	137.736.224.577
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	52.000.000.000	10.500.000.000
Cộng	223.779.134.813	151.227.589.907

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 – 12 tháng	121.784.571.233	91.937.000.000
Cộng	121.784.571.233	91.937.000.000

2b. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	338.862.078.585	-	364.915.647.307	-
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Miền Trung	16.736.275.525	-	16.642.803.613	-
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương	74.719.427.442	-	74.444.599.858	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	57.169.919.116	-	57.487.748.354	-
Công ty Cổ phần Cảng Mípec	175.836.456.502	-	201.940.495.482	-
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	14.400.000.000	-	14.400.000.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	14.057.900.327	-	11.540.435.327	-
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	4.246.950.000	-	4.246.950.000	-
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vi Na Vinatrans	726.150.000	-	726.150.000	-
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật	4.917.335.327	-	4.917.335.327	-
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	3.620.745.000	-	1.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Searefco	105.160.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	441.560.000	-	-	-
Cộng	352.919.978.912	-	376.456.082.634	-

2c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng trên 12 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	1.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.510.739	12.951.479
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	114.219.650.362	138.222.735.542
Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	10.461.472.960	14.218.367.901
Công ty TNHH Nuplex Resins (Việt Nam)	592.776.582	3.984.450.809
Các bên khác	103.165.400.820	120.019.916.832
Cộng	114.225.161.101	138.235.687.021

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	3.675.605.089
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	661.640.809
Số cuối năm	4.337.245.898

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo	114.722.468	284.029.689
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	-	9.685.372.637
Các nhà cung cấp khác	1.258.794.271	1.949.788.201
Cộng	1.373.516.739	11.919.190.527

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Công ty Cổ phần Transimex (là bên liên quan) vay	50.000.000.000	-
Cộng	50.000.000.000	-

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng nhân viên	878.283.816	1.076.854.405
Ký quỹ ngắn hạn	37.904.203.058	50.706.578.183
Thu chi hộ	21.964.435.237	-
Các khoản phải thu khác	42.692.117.441	26.164.570.413
Cộng	103.439.039.552	77.948.003.001

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ dài hạn	4.341.187.023	4.034.500.823
Cộng	4.341.187.023	4.034.500.823

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cước, Phí dịch vụ	2.428.897.157	-	-	-
Cộng	2.428.897.157	-	-	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	6.459.463.150	8.358.599.298	2.268.954.461	17.087.016.909
Mua trong năm	-	-	662.830.000	662.830.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(468.692.970)	-	(468.692.970)
Số cuối năm	6.459.463.150	7.889.906.328	2.931.784.461	17.281.153.939
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.269.034.750	2.188.535.661	2.023.704.461	6.481.274.872
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	(3.206.946.656)	(5.619.884.877)	(2.149.905.853)	(10.976.737.386)
Khấu hao trong năm	(382.649.004)	(600.127.698)	(246.180.836)	(1.228.957.538)
Thanh lý, nhượng bán	-	468.692.970	-	468.692.970
Số cuối năm	(3.589.595.660)	(5.751.319.605)	(2.396.086.689)	(11.737.001.954)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.252.516.494	2.738.714.421	119.048.608	6.110.279.523
Số cuối năm	2.869.867.490	2.138.586.723	535.697.772	5.544.151.985
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.808.872.679
Mua trong năm	41.400.000
Số cuối năm	2.850.272.679
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.427.872.679
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	(2.478.672.679)
Khấu hao trong năm	(87.700.000)
Số cuối năm	(2.566.372.679)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Chương trình phần
mềm máy tính**

Giá trị còn lại	
Số đầu năm	330.200.000
Số cuối năm	<u>283.900.000</u>
Trong đó:	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>309.694.996</i>	<i>870.357.818</i>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>95.050.560.309</i>	<i>107.857.941.039</i>
Công ty TNHH World Alliance GSA	48.766.427.825	31.451.066.453
Ethiopian Airlines	5.044.712.787	28.093.413.248
Các nhà cung cấp khác	41.239.419.697	48.313.461.338
Cộng	<u>95.360.255.305</u>	<u>108.728.298.857</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng khác	3.654.935.675	4.809.058.091
Cộng	<u>3.654.935.675</u>	<u>4.809.058.091</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế thu nhập cá nhân	950.511.276	-	8.932.858.285	(9.065.201.819)	818.167.742	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.347.209.571	-	29.232.207.808	(7.644.758.338)	27.934.659.041	-
Thuế giá trị gia tăng	293.049.842	-	14.603.348.719	(13.596.035.366)	1.300.363.195	-
Các khoản thuế khác	3.172.799.163	-	17.936.748.363	(22.276.662.789)	-	1.167.115.263
Cộng	<u>10.763.569.852</u>	<u>-</u>	<u>70.705.163.175</u>	<u>(52.582.658.312)</u>	<u>30.053.189.978</u>	<u>1.167.115.263</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>103.918.469.325</u>	<u>18.354.868.239</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	20.783.693.865	3.670.973.648
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	5.522.076.784	(14.655.875.707)		
Chi phí không được trừ	1.822.054.500	20.486.509.517		
Các khoản chênh lệch tạm thời	1.593.778.419	-		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu những năm trước	74.952.422	191.127.282		
Khác	-	23.056.980		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>				
Cổ tức	(279.012.178)	(145.985.804)		
Chênh lệch tỷ giá	(22.932.597)	-		
Thu nhập từ công nợ khó đòi đã xóa nợ (Véc Tơ)	(247.347.914)	-		
Chi phí thuế TNDN	29.247.263.301	9.569.805.916		
13. Chi phí phải trả ngắn hạn				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Chi phí làm hàng	6.862.622.960	6.156.520.342		
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.441.922.636	875.721.926		
Cộng	8.304.545.596	7.032.242.268		
14. Phải trả khác				
14a. Phải trả ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Thu chi hộ Pan	129.563.434.309	60.298.123.181		
Thu chi hộ Vietway	19.175.677.391	19.175.677.391		
Phải trả cổ tức	588.820.551	-		
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.335.732.800	4.320.000.000		
Phí hoa hồng	2.353.922.140	5.646.680.106		
Các khoản phải trả khác	5.210.477.074	4.183.018.655		
Cộng	159.228.064.265	93.623.499.333		
14b. Phải trả dài hạn khác				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Nhận ký quỹ dài hạn	4.638.800.534	5.291.803.364		
Cộng	4.638.800.534	5.291.803.364		
15. Vay ngắn hạn				
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	35.743.055.184	341.036.614.926	(328.954.748.602)	47.824.921.508

Nhóm Công ty vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>47.824.921.508</u>	Ngày 25 tháng 02 năm 2025	5.5	

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.158.157.835	15.214.540.906
Trích lập từ lợi nhuận	2.497.117.715	6.000.000.000
Sử dụng trong năm	<u>(4.872.932.185)</u>	<u>(10.056.383.071)</u>
Số cuối năm	<u>8.782.343.365</u>	<u>11.158.157.835</u>



Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu
16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	317.158.800.000	30.146.050.000	(155.000.000)	13.925.977.872	227.888.259.351	588.964.087.223
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	5.529.472.709	5.529.472.709
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(22.190.266.000)	(22.190.266.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.000.000.000	(7.899.623.302)	(5.899.623.302)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	98.000.000	98.000.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	317.158.800.000	30.146.050.000	(155.000.000)	15.925.977.872	203.425.842.758	566.501.670.630
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	317.158.800.000	30.146.050.000	(155.000.000)	15.925.977.872	203.425.842.758	566.501.670.630
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	74.923.523.516	74.923.523.516
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(22.190.266.000)	(22.190.266.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.497.117.715)	(2.497.117.715)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	317.158.800.000	30.146.050.000	(155.000.000)	15.925.977.872	253.661.982.559	616.737.810.431

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		%	Vốn điều lệ đã góp VND
	Số lượng cổ phần			
Công ty Cổ phần Transimex	18.544.981	185.449.810.000	58,47	185.449.810.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển bất động sản Conasi	4.158.944	41.589.440.000	13,11	41.589.440.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	3.447.360	34.473.600.000	10,87	34.473.600.000
Cổ phiếu quỹ	15.500	155.000.000	0,05	155.000.000
Các cổ đông khác	5.549.095	55.490.950.000	17,50	55.490.950.000
TỔNG CỘNG	31.715.880	317.158.800.000	100,00	317.158.800.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.715.880	31.715.880
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.715.880	31.715.880
- Cổ phiếu phổ thông	31.715.880	31.715.880
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(15.500)	(15.500)
- Cổ phiếu phổ thông	(15.500)	(15.500)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.700.380	31.700.380
- Cổ phiếu phổ thông	31.700.380	31.700.380
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu :

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế TNDN (VND)	74.923.523.516	5.529.472.709
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Quỹ hoạt động và quỹ khen thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (*)	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế TNDN	74.923.523.516	5.529.472.709

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**phân bổ cho cổ đông sở hữu
cổ phiếu phổ thông (VND) (*)**

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	31.700.380	31.700.380
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.363	174
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.363	174

17. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm nay
Số đầu năm	12.247.321.244
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(252.317.492)
Chia cổ tức	(5.940.000.000)
Số cuối năm	<u>6.055.003.752</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.796.092.003.630	1.136.358.537.141
Doanh thu cước vận tải quốc tế	1.162.639.236.907	519.838.800.664
Doanh thu bán vé máy bay	445.651.975.318	454.345.429.984
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng	140.423.258.479	129.264.635.522
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	47.377.532.926	32.909.670.971
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(25.929.201.903)	(13.406.743.467)
Doanh thu thuần	<u>1.770.162.801.727</u>	<u>1.122.951.793.674</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ cước vận tải quốc tế	1.161.540.934.976	519.350.249.742
Doanh thu bán vé máy bay	420.838.458.836	441.463.596.864
Doanh thu từ dịch vụ giao nhận hàng	140.423.258.479	129.264.635.522
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	47.360.149.436	32.873.311.546

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cước vận tải	1.419.243.491.566	869.989.456.406
Phí làm hàng	75.342.778.666	79.097.320.526
Chi phí nhân công	35.853.011.468	37.472.995.013
Thuê văn phòng	25.823.862.504	24.628.988.263
Chi phí khác	34.400.923.790	32.140.482.523
Cộng	<u>1.590.664.067.994</u>	<u>1.043.329.242.731</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.242.519.414	8.116.837.219
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.395.060.889	1.709.929.021
Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	5.918.337.051	8.813.816.441
Cộng	<u>21.555.917.354</u>	<u>18.640.582.681</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.415.748.574	2.885.105.788
Lãi vay	1.861.082.274	882.793.391
Chiết khấu thanh toán	-	1.264.860.534
Khác	-	40.872.329
Cộng	<u>11.276.830.848</u>	<u>5.073.632.042</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng	40.814.835.153	26.157.828.850
Cộng	<u>40.814.835.153</u>	<u>26.157.828.850</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	10.925.837.696	12.089.127.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	398.358.046	6.351.342.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	667.929.630	405.116.928
Chi phí dự phòng	661.640.809	260.054.365
Chi phí bằng tiền khác	9.215.542.600	2.780.437.530
Cộng	<u>21.869.308.781</u>	<u>21.886.078.950</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	1.536.070.226	81.626.076
Cộng	<u>1.536.070.226</u>	<u>81.626.076</u>

8. Chi phí khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	160.893.284	24.078.258
Cộng	160.893.284	24.078.258

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Bất động sản Conasi	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Mipéc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vinaprint	Tổ chức có liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Hàng Hải MACS	Tổ chức có liên quan của người nội bộ
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Transimex Shipping	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Công ty cùng tập đoàn
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HDQT”)
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HDQT
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HDQT
Ông Vũ Chinh	Thành viên HDQT
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên HDQT
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HDQT (đã miễn nhiệm)
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên HDQT
Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên HDQT
Ông Nguyễn Huy Diệu	kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên HDQT
Ông Võ Thành Đồng	kiêm Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)
Ông Phạm Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2024)
Bà Trần Thị Vân Thơ	Trưởng Ban kiểm soát (“BKS”)
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên BKS
	Thành viên BKS
	Thành viên BKS

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ		
	(đã miễn nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2024)		
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS		
	(đã miễn nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2024)		
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Cố vấn của HĐQT		
Bà Đỗ Thị Lĩnh	Thư ký HĐQT		
Ông Lê Quang Huy	Thư ký HĐQT		
Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Transimex	Cho vay	50.000.000.000	-
	Cổ tức công bố	12.666.486.700	-
	Sử dụng dịch vụ	1.453.695.865	832.477.036
	Cung cấp dịch vụ	1.092.056.365	94.183.002
	Lãi cho vay	1.408.904.110	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ tức công bố	2.413.152.000	2.413.152.000
	Phí dịch vụ	93.383.704	17.145.370
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Sử dụng dịch vụ	2.843.876.841	2.427.375.028
	Cung cấp dịch vụ	250.694.294	137.488.042
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Sử dụng dịch vụ	1.749.550.403	1.431.487.968
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	1.608.097.342	2.055.925.540
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Cổ tức công bố	694.575.000	694.575.000
	Sử dụng dịch vụ	242.042.627	1.857.802.376
	Cung cấp dịch vụ	1.398.122	23.174.200
	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	-	14.870.700.000
	Lãi trái phiếu	-	339.377.893
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Sử dụng dịch vụ	1.059.044.575	1.932.178.267
	Góp vốn	-	4.555.110.000
	Chia cổ tức	1.503.184.800	1.503.184.800
Công ty Cổ phần Vinaprint	Cung cấp dịch vụ	1.003.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	-	66.998.774
	Sử dụng dịch vụ	6.299.400	50.069.322

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	Sử dụng dịch vụ	128.455.234	178.170.411
Công ty Cổ phần Cảng Mípec	Góp vốn	-	26.455.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Góp vốn	-	2.400.000.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ khách hàng			
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	-	12.951.479
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Cung cấp dịch vụ	5.510.739	-
TỔNG CỘNG		5.510.739	12.951.479
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Cho vay	50.000.000.000	-
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Transimex	Lãi vay	278.767.123	-
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Thu chi hộ	4.000.000	-
Công ty Cổ Phần Hàng Hải MACS	Thu chi hộ	3.000.000	-
TỔNG CỘNG		285.767.123	-
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Transimex	Sử dụng dịch vụ	77.199.200	59.000.000
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Sử dụng dịch vụ	232.495.796	35.018.980
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Sử dụng dịch vụ	-	776.338.838
TỔNG CỘNG		309.694.996	870.357.818

Các giao dịch với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lương của Chủ tịch HĐQT thường trực và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	839.743.705	840.000.000
Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc	747.491.478	780.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	120.000.000	660.000.000
Ông Nguyễn Huy Diệu	Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	120.000.000
TỔNG CỘNG		1.707.235.183	2.400.000.000

Thù lao của các thành viên HĐQT, BKS trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	167.160.000
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Cố vấn của HĐQT	120.000.000	-
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	84.000.000	139.270.000
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	77.000.000	139.270.000
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên HĐQT	7.000.000	-
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	84.000.000	139.270.000
Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	63.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	21.000.000	139.270.000
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	139.270.000
Ông Vũ Chính	Thành viên HĐQT	84.000.000	-
Ông Võ Thành Đồng	Trưởng BKS	84.000.000	139.270.000
Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên BKS	45.000.000	-
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS (đã miễn nhiệm)	15.000.000	111.410.000
Bà Trần Thị Vân Thơ	Thành viên BKS (đã miễn nhiệm)	45.000.000	-
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên BKS (đã miễn nhiệm)	15.000.000	111.410.000
Bà Đỗ Thị Lĩnh	Thư ký HĐQT	21.000.000	-
Ông Lê Quang Huy	Thư ký HĐQT	15.000.000	-
TỔNG CỘNG		984.000.000	1.225.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

TP.HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đàm Thị Hoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Sơn Thái

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Minh



